

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 18/7/2025
“V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng
và Hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh
Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Vào ngày 18/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2025/TLST-DS ngày 14/5/2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2025/QĐXXST-DS ngày 31/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2025/QĐST-DS ngày 17/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2025/QĐST-DS ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: 89, Láng Hạ, phường Đồng Đa, Tp.Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 171-173, Hùng Vương, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Châu Nhật T, sinh năm 1999; Địa chỉ thường trú: ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: Tầng 2, số 171-173, Hùng Vương, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1976 (vắng mặt)

2/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 25, Khóm 3, phường 4, TP. Cao Lãnh (nay là phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP V, đại diện theo ủy quyền là anh Châu Nhật T trình bày:

Ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H có vay vốn của Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo các Hợp đồng tín dụng, nội dung cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số	Số tiền vay (VNĐ)	Lãi suất/năm	Thời hạn vay			Mục đích vay
			Số tháng	Từ ngày	Đến ngày	
LN2005152404516	335.000.000	Thả nổi	48	19/5/2020	20/5/2024	Mua xe
CN/VN0010226/202207/02	128.000.000	Thỏa thuận	36	05/7/2022	05/7/2025	Tiêu dùng

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H và Ngân hàng TMCP V đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2005152404516 ngày 19/5/2020 được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 19/5/2020 với tài sản bảo đảm cụ thể là: Một xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG, số khung: J6X1F6101170, số máy: 3L3CC3F00009, biển số: 66C-066.58 đứng tên bà Trần Thị H.

Quá trình sử dụng vốn vay ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V đã nhiều lần liên hệ, làm việc với ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tạm tính đến ngày xét xử 18/7/2025, ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H còn nợ các khoản sau tại V:

Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Tổng
LN2005152404516	70.163.461	24.114.858	12.057.429	106.335.749
CN/VN0010226/202207/02	100.025.599	47.998.585	23.999.293	172.023.477

Tổng nợ gốc còn thiếu 170.189.060 đồng.

Nợ lãi: 108.170.165 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi 278.359.226 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu:

- Ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 18/7/2025 tổng cộng là: 278.359.226 đồng, trong đó, nợ gốc là: 170.189.060 đồng, nợ lãi là: 108.170.165 đồng. Ngoài ra, yêu ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP

V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ tại phường Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số LN2005152404516 ngày 19/5/2020 và CN/VN0010226/202207/02 ngày 05/7/2022 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H, được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do ông N, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông N, bà H trả số tiền nợ gốc, tiền tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Án lệ 08/2016/AL; Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông N, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc còn lại cho nguyên đơn. Nên ông N, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền vốn và lãi tổng cộng tính đến ngày xét xử là 278.359.225 đồng (nợ gốc là: 170.189.060 đồng, nợ lãi là: 108.170.165 đồng) theo yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nên chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2005152404516 ngày 19/5/2020 được đăng ký với Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp.Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Việc ký kết hợp đồng thế chấp là do sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với qui định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã nộp đầy đủ chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình.

Sau khi ký kết các hợp đồng với Ngân hàng, bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình, đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó, trong trường hợp bị đơn ông N, bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay là xe ô tô, nhãn hiệu DONGFENG, số khung: J6X1F6101170, số máy: 3L3CC3F00009, biển số: 66C-066.58 đứng tên bà Trần Thị H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[3] Án phí: Do ông N, bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền 278.359.226 đồng nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N, bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là $278.359.226 \text{ đồng} \times 5\% = 13.918.000 \text{ đồng}$.

Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Án lệ 08/2016/AL; Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V).

2/ Buộc ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng số

LN2005152404516 là: Vốn gốc: 70.163.461 đồng, tiền lãi trong hạn: 24.114.858 đồng, tiền lãi quá hạn: 12.057.429 đồng. Tổng cộng: 106.335.748 đồng.

Ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng số CN/VN0010226/202207/02: Vốn gốc: 100.025.599 đồng, tiền lãi trong hạn: 47.998.585 đồng, tiền lãi quá hạn: 23.999.293 đồng. Tổng cộng: 172.023.477 đồng.

3/ Ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H có nghĩa vụ tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng nêu trên đến khi thanh toán dứt nợ.

4/ Trường hợp ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

5/ Về án phí: Ông Nguyễn Thành N, bà Trần Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.918.000 đồng.

Ngân hàng TMCP V được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.019.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003538 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV6;
- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- THADS tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Hồng